TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 3

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 741 007 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 1 000 000 **B.** 740 000 **C.** 700 000 **D.** 800 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số lẻ lớn nhất có 6 chữ số khác nhau là:

A. 999 999 **B.** 987 651 **C.** 987 653 **D.** 987 654

Câu 3. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 7 trong số 7 829 824 là:

A. 7 000 000 **B.** 700 000 **C.** 70 000 000 **D.** 7

Câu 4. *(0,5 điểm)* Với m = 6964, n = 3665, p = 1770 thì giá trị biểu thức m − n + p là:

A. 1529 **B.** 4069 **C.** 5069 **D.** 8859

Câu 5. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có chu vi 196 cm, chiều dài hơn chiều rộng 20 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 59 cm **B.** 61 cm **C.** 108 cm **D.** 39 cm

Câu 6. *(0,5 điểm)* Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975. Tính đến năm 2026 đã được bao nhiêu năm?

A. 151 **B.** 41 **C.** 51 **D.** 52

Câu 7. *(0,5 điểm)* 6500 kg = ……. tạ

A. 650 **B.** 65 **C.** 6 **D.** 70

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thoi có cạnh 19 cm thì chu vi là:

A. 23 cm **B.** 361 cm **C.** 38 cm **D.** 76 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 triệu, 4 chục nghìn, 9 trăm và 7 đơn vị viết là: …….

b) Số «bốn triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn sáu trăm mười» viết là: …….

c) Làm tròn số 103 268 đến hàng trăm nghìn được: …….

Câu 10. *(1 điểm)* Cho các số: 807 428, 848 027, 878 420, 808 427, 828 407.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 448 632 + 112 217 = …….

b) 772 185 − 212 850 = …….

c) 16 380 × 6 = …….

d) 33 572 : 4 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

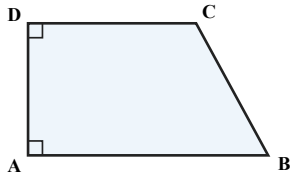
a) 5 tấn 64 kg = ……. kg

b) 4 tạ = ……. yến

c) 2 m^2 88 dm^2 = ……. dm^2

d) 5 phút 30 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Hai thùng có tất cả 122 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 22 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 3

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	C	A	C	B	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 9 040 907

b) 4 571 610

c) Chữ số hàng chục nghìn là 0 nên được 100 000

Câu 10.

a) 807 428, 808 427, 828 407, 848 027, 878 420

b) 878 420 − 807 428 = 70 992

Câu 11.

a) 448 632 + 112 217 = 560 849

b) 772 185 − 212 850 = 559 335

c) 16 380 × 6 = 98 280

d) 33 572 : 4 = 8393

Câu 12.

a) 5000 + 64 = 5064

b) 1 tạ = 10 yến: 40

c) 200 + 88 = 288

d) 5 × 60 + 30 = 330

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của hình thang vuông ABCD: 2 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Thùng thứ nhất: (122 + 22) : 2 = 72 (l)

Thùng thứ hai: 72 − 22 = 50 (l)